

Số: /GPMT-BQL

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế giải quyết một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Sinh Hóa Minh Dương Việt Nam tại Văn bản số 113/CV-MDVN/2024 ngày 30/12/2024 về việc chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ và đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy gia công chất bột biến tính sản Minh Dương - Bình Định và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Sinh Hóa Minh Dương Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Lô L3, Khu công nghiệp Nhơn Hội (Khu B), thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy gia công chất bột biến tính sản Minh Dương - Bình Định với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy gia công chất bột biến tính sản Minh Dương - Bình Định.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô L3, Khu công nghiệp Nhơn Hội (Khu B), thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy đăng ký kinh doanh số 4101017889 đăng ký lần đầu ngày 22/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 18/7/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 2156732825 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/12/2009, chứng nhận thay đổi lần thứ chín ngày 18/9/2023.

1.4. Mã số thuế: 4101017889.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Gia công chất bột biến tính.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 20 ha.

- Quy mô: Cơ sở đang hoạt động có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm II (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Công suất:

+ Tinh bột ion dương thay thế cao: 15.000 tấn/năm;

+ Tinh bột biến tính lưỡng tính: 25.000 tấn/năm;

+ Tinh bột phức hợp dạng hồ: 60.000 tấn/năm.

+ Cho thuê nhà xưởng để sản xuất: 50.000 m<sup>2</sup>.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sinh Hóa Minh Dương Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sinh Hóa Minh Dương Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các

công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy định các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để các chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay các hoạt động liên quan đến việc đầu nối nước thải, xả bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế và chính quyền địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, giải quyết.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 30 tháng 12 năm 2034).

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở Nhà máy gia công chất bột biến tính sản Minh Dương - Bình Định theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND xã Nhơn Hội;
- C.ty TNHH MTV Hong Yeung Việt Nam;
- C.ty TNHH Sinh Hóa Minh Dương Việt Nam;
- Lãnh đạo Ban;
- VP Ban (công khai trên website);
- Các Phòng: QLĐT, QLQHXD, QLDN;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Thanh Nguyên**

## Phụ lục 01

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

- Toàn bộ nguồn nước thải phát sinh tại cơ sở, bao gồm: Nước thải sinh hoạt (được chủ cơ sở tổ chức thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, bể tách mỡ) và nước thải sản xuất được thu gom, lưu chứa theo quy định trong phạm vi cơ sở, sau đó định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý, không xả thải ra môi trường.

- Phương thức chuyển giao nước thải và đơn vị nhận chuyển giao:

+ Nguồn nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh và nước thải nhà ăn được Chủ cơ sở thu gom, xử lý sơ bộ; nước xả đáy nồi hơi, nước thải vệ sinh nhà xưởng hồ hóa và xưởng nguyên liệu được thu gom lắng cặn; nước vệ sinh các dụng cụ thí nghiệm, rửa tay; nước thải sau lọc RO của phòng xử lý nước cấp. Toàn bộ nước thải phát sinh này được thu gom, đấu nối vào hố ga đấu nối của KCN B, định kỳ Công ty TNHH MTV Hong Yeung Việt Nam bố trí xe bồn đến hút và chuyển giao nước thải cho Ban Quản lý Dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế để xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội theo nội dung thỏa thuận thống nhất giữa Chủ cơ sở và các đơn vị liên quan tại Biên bản làm việc ngày 01/10/2021.

+ Nước thải từ phòng hóa nghiệm bao gồm: nước thải từ quá trình thí nghiệm và nước tráng hóa chất của dụng cụ sau khi thí nghiệm xong (trừ nước thải vệ sinh rửa sạch dụng cụ thí nghiệm) có chứa hóa chất với thành phần nguy hại nên được thu gom vào can chứa riêng dung tích 50 lít có nắp đậy kín, đặt bên trong phòng hóa nghiệm, sau đó được chuyển đến lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định (Chủ cơ sở đang thực hiện chuyển giao nguồn nước thải này cho Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hậu Sanh để xử lý).

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

#### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

##### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh công nhân, nhà vệ sinh khu vực văn phòng, nhà nghỉ ca công nhân sau khi được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó tự chảy theo đường ống FRPP DN315 đưa ra hố ga đấu nối của Khu công nghiệp.

- Nước thải từ khu vực nhà ăn được thu gom về bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ, sau đó tự chảy đầu nổi vào đường ống FRPP DN315 đưa ra hố ga đầu nổi của Khu công nghiệp.

- Nước thải từ khu vực lò hơi được thu gom về bể lắng để xử lý sơ bộ, sau đó tự chảy theo đường ống nhựa DN200 đầu nổi vào đường ống FRPP DN315 đưa ra hố ga đầu nổi của Khu công nghiệp.

- Nước thải vệ sinh nhà xưởng hồ hóa và xưởng nguyên liệu được thu gom về bể lắng cặn (lắng bột mỳ) để xử lý sơ bộ, sau đó bơm vào hố ga thu gom nước thải trên đường ống FRPP DN315 đưa ra hố ga đầu nổi của Khu công nghiệp.

- Nước thải sau lọc RO của phòng xử lý nước cấp tự chảy bằng ống nhựa DN200 vào hố ga thu gom nước thải trên đường ống FRPP DN315 đưa ra hố ga đầu nổi của Khu công nghiệp.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh các dụng cụ sau công đoạn tráng hóa chất và nước rửa tay trong phòng thí nghiệm được thu gom, tự chảy theo đường ống nhựa DN50 đầu nổi vào đường ống FRPP DN315, đưa ra hố ga đầu nổi của Khu công nghiệp.

Vị trí hố ga đầu nổi nước thải có tọa độ: X= 1.530.324; Y= 611.032 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh công nhân, khu vực văn phòng → Bể tự hoại 03 ngăn → Hố ga đầu nổi của Khu công nghiệp (Khu B) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội.

+ Nước thải từ khu vực nhà ăn công nhân → Bể tách mỡ → Hố ga đầu nổi của Khu công nghiệp (Khu B) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội.

+ Nước thải vệ sinh nhà xưởng → Bể lắng cặn → Hố ga đầu nổi của Khu công nghiệp (Khu B) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội.

+ Nước thải từ khu vực lò hơi → Bể lắng cặn → Hố ga đầu nổi của Khu công nghiệp (Khu B) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội.

+ Nước thải sau lọc RO của phòng xử lý nước cấp → Hố ga đầu nổi của Khu công nghiệp (Khu B) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội.

+ Nước thải từ hoạt động vệ sinh các dụng cụ sau công đoạn tráng hóa chất và rửa tay trong phòng thí nghiệm → Hố ga đầu nổi của Khu công nghiệp (Khu B) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội.

- Dung tích bể xử lý:

+ 01 bể tự hoại thể tích  $17,119 \text{ m}^3$  và 03 bể tự hoại thể tích  $24,472 \text{ m}^3/\text{bể}$ ;

- + 01 bể tách mỡ (03 ngăn): 2,25 m<sup>3</sup>;
- + 01 bể lắng cặn xường nguyên liệu: 26,25 m<sup>3</sup>;
- + 01 bể lắng cặn xường hồ hóa: 58,5 m<sup>3</sup>;
- + 01 bể lắng cặn khu vực lò hơi: 8 m<sup>3</sup>.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến nước thải theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát công tác thu gom và thoát nước thải của dự án đảm bảo hệ thống thoát nước luôn luôn kín, không bị rò rỉ, không phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Định kỳ nạo vét các hố ga trên đường ống thoát nước chung và hút bùn, cặn tại bể tự hoại, bể lắng để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý sơ bộ nước thải trước khi chuyển giao.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Công trình xử lý sơ bộ nước thải của cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

3.2. Thực hiện thu gom, xử lý sơ bộ và ký hợp đồng chuyển giao toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong phạm vi cơ sở với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường hoặc chuyển giao nước thải không đúng quy định.

**Phụ lục 02****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024  
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ quá trình vận hành lò hơi (công suất 35 tấn/giờ).
- Nguồn số 02: Khí thải (bụi) từ quá trình sản xuất tinh bột biến lương tính (Xưởng tinh bột biến tính khô).
- Nguồn số 03: Khí thải (bụi) từ quá trình sản xuất tinh bột ion dương (Xưởng Vibra).
- Nguồn số 04: Khí thải (bụi) từ quá trình sản xuất tinh bột phức hợp dạng hồ (Xưởng hồ hóa).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng số 01: Tại miệng ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tọa độ: X = 1.530.744; Y = 611.233.
- Dòng số 02: Tại miệng ống thoát hơi số 1 của hệ thống xử lý bụi Xưởng tinh bột biến tính khô, tọa độ: X = 1.530.698; Y = 611.069.
- Dòng số 03: Tại miệng ống thoát hơi số 2 của hệ thống xử lý bụi Xưởng tinh bột biến tính khô, tọa độ: X = 1.530.692; Y = 611.068.
- Dòng số 04: Tại miệng ống thoát hơi số 3 của hệ thống xử lý bụi Xưởng tinh bột biến tính khô, tọa độ: X = 1.530.691; Y = 611.066.
- Dòng số 05: Tại miệng ống thoát hơi số 4 của hệ thống xử lý bụi Xưởng tinh bột biến tính khô, tọa độ: X = 1.530.696; Y = 611.065.
- Dòng số 06: Tại miệng ống thoát hơi số 5 của hệ thống xử lý bụi Xưởng tinh bột biến tính khô, tọa độ: X = 1.530.697; Y = 611.077.
- Dòng số 07: Tại miệng ống thoát hơi số 1 của hệ thống xử lý bụi Xưởng Vibra, tọa độ: X = 1.530.673; Y = 611.163.
- Dòng số 08: Tại miệng ống thoát hơi số 2 của hệ thống xử lý bụi Xưởng Vibra, tọa độ: X = 1.530.679; Y = 611.167.
- Dòng số 09: Tại miệng ống thoát hơi số 1 của hệ thống xử lý bụi Xưởng hồ hóa, tọa độ: X = 1.530.574; Y = 611.106.
- Dòng số 10: Tại miệng ống thoát hơi số 2 của hệ thống xử lý bụi Xưởng hồ hóa, tọa độ: X = 1.530.559; Y = 611.045.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 279.156 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng số 01: Lưu lượng 115.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng số 02, 03, 04, 05 và 06: Lưu lượng 80.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng số 07 và 08: Lưu lượng 60.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng số 09: Lưu lượng 12.078 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng số 10: Lưu lượng 12.078 m<sup>3</sup>/giờ.

(Lưu lượng được xác định theo công suất quạt, trong đó dòng số 02, 03, 04, 05 và 06 sử dụng chung 01 quạt hút công suất 75kW, lưu lượng 80.000 m<sup>3</sup>/giờ; dòng số 07 và 08 sử dụng chung 01 quạt hút công suất 45kW, lưu lượng 60.000 m<sup>3</sup>/giờ).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày (thời gian hoạt động sản xuất liên tục 24 giờ/ngày chia làm 03 ca).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT cột B ( $K_p = 0,8$ ;  $K_v = 1,0$ ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng số 01</b>			6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
01	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160		
02	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	400		
03	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	680		
04	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	800		
05	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-		
<b>II</b>	<b>Dòng số 02 đến số 10</b>				
01	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160		
02	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi được thu gom vào hệ thống xử lý thông qua đường ống có kích thước DN1750 và quạt hút có công suất 280kW.

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất của Xưởng tinh bột biến tính khô được thu gom vào hệ thống xử lý bụi thông qua đường ống có kích thước



DN300 và 01 quạt hút có công suất 75kW, khí thải thoát ra môi trường qua 05 ống thoát tương ứng với các dòng số 02, số 03, số 04, số 05 và số 06.

- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất của Xưởng Viba được thu gom vào hệ thống xử lý bụi thông qua đường ống có kích thước DN400 và 01 quạt hút có công suất 45kW, khí thải thoát ra môi trường qua 02 ống thoát tương ứng với dòng số 07 và dòng số 08.

- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất dây chuyền số 1 và dây chuyền số 2 của Xưởng hồ hóa được thu gom vào từng hệ thống xử lý bụi thông qua đường ống có kích thước DN350 và 02 quạt hút có công suất 75kW/quạt, khí thải thoát ra môi trường qua 02 ống thoát tương ứng với dòng số 09 và dòng số 10.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ quá trình vận hành lò hơi

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Thiết bị khử bụi túi vải → Ống khói → Thoát ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 115.000 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất của Xưởng tinh bột biến tính khô

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Cyclone → 05 Ống thoát hơi → Thoát ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 80.000 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất của Xưởng Viba

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → 02 Ống thoát hơi → Thoát ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 60.000 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất dây chuyền số 1 và dây chuyền số 2 của Xưởng hồ hóa

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát hơi → Thoát ra môi trường.

+ Công suất thiết kế 02 hệ thống: 12.078 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến bụi, khí thải theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quạt, đường ống thu gom và thiết

bị xử lý bụi, khí thải của cơ sở để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyên giao.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường này.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi và các hệ thống xử lý bụi đã được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên ống khói của Hệ thống xử lý khí thải và các lỗ lấy mẫu trên các ống thoát hơi tại các xưởng sản xuất.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (việc quan trắc chất thải do Công ty tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải; Đảm bảo các ống thoát của các hệ thống xử lý bụi, khí thải phải có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (Vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.3. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ khi triển khai thực hiện việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải (như: lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm; có sổ nhật ký vận hành thử nghiệm, tự đánh giá hoặc thuê tổ chức có đủ năng lực đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải,...).

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

**Phụ lục 03****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024  
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực Xưởng hồ hóa;
- Nguồn số 02: Khu vực Xưởng Viba;
- Nguồn số 03: Khu vực Xưởng Tinh bột biến tính khô;
- Nguồn số 04: Khu vực lò hơi.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1.530.572; Y = 611.105;
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1.530.684; Y = 611.172;
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 1.530.692; Y = 611.068;
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 1.530.745; Y = 611.231;

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

3. Tiếng ồn và độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 04****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024  
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:**

<b>STT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
01	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	10
02	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	6
03	Pin thải	19 06 05	3
04	Ắc quy chì thải	19 06 01	1.350
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.369</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:**

<b>STT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
01	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	11
02	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	9
03	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 02	15
04	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	4.504
05	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại thải	18 02 01	14
06	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	18
<b>Tổng cộng</b>			<b>4.571</b>

**1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

<b>STT</b>	<b>Các loại chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/tháng)</b>
01	Bao bì, dây nhợ, sắt vụn, pallet, máy móc thiết bị hỏng (phụ kiện sản xuất, máy móc hư hỏng,...)	9.000

02	Tro, xỉ than	80.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>89.000</b>

#### 1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: Khoảng 5.040 kg/tháng.
- Chủng loại: Chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, công nhân làm việc tại cơ sở.

### **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:**

#### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị can, thùng chứa đặt trong kho chứa chất thải nguy hại, xây ô trong khu lưu chứa để phân loại chất thải.

##### - Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho chứa: Bố trí khu lưu chứa có diện tích 1.152 m<sup>2</sup>, bên trong nhà kho tinh bột nguyên liệu 2 (vị trí số 10 trên bản vẽ quy hoạch sử dụng đất) để lưu chứa các loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nền bê tông chống thấm, kín khí, không bị thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; rãnh chống tràn đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); bên trong dán mã chất thải và bố trí bao bì, dụng cụ để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ theo quy định.

#### 2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các bao chứa, thùng chứa tập kết tại nhà kho nguyên vật liệu để lưu chứa.

##### 2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa: Bố trí khu lưu chứa có diện tích 1.152 m<sup>2</sup>, bên trong nhà kho tinh bột nguyên liệu 2 (vị trí số 10 trên bản vẽ quy hoạch sử dụng đất) để lưu chứa chất thải rắn thông thường. Khu vực được xây dựng có nền bê tông; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa.

#### 2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy để thu gom, phân loại, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

2.3.2. Khu vực tập kết: bố trí tại khu vực văn phòng, nhà nghỉ ca, nhà ăn,

xưởng sản xuất.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan có liên quan đề hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các thành phần chất thải phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

**Phụ lục 05****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)*

1. Công khai Giấy phép môi trường của cơ sở trên cổng thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND xã Nhơn Hội trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

3. Trồng và duy trì cây xanh trong mặt bằng luôn đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy hoạch được duyệt.

4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của cơ sở; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp, không để phát tán chất thải không đạt quy chuẩn cấp phép ra môi trường.

5. Các loại chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp; chất thải công nghiệp phải kiểm soát, trường hợp chưa được phân định thì phải thực hiện quản lý như chất thải nguy hại. Được sử dụng chung thiết bị lưu chứa đối với các mã chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý hoá chất và PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình vận hành. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến chất thải tại cơ sở.

9. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; Có hệ thống quản lý môi trường theo

tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

10. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới.